**BÀI 2. CÁCH GHI SỐ TỰ NHIÊN**

Môn: Toán 6 (Đại số)

Thời gian thực hiện: 01 tiết. Tiết PPCT: 02

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

***-*** Nhận biết được mối quan hệ giữa các hàng và giá trị mỗi chữ số ( theo vị trí) trong một số tự nhiên đã cho viết trong hệ thập phân.

- Nhận biết được số La Mã không quá 30.

**2. Năng lực :**

***\*Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

***\*Năng lực đặc thù:***

- Đọc và viết được số tự nhiên.

- Biểu diễn được số tự nhiên cho trước thành tổng giá trị các chữ số của nó.

- Đọc và viết được các số La Mã không quá 30.

 **3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra. Có ý thức tìm tòi, khám phá và vận dụng sáng tạo kiến thức để giải quyết vấn đề thực tiễn.

- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của nhóm.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** KHBD, SGK, thước thẳng, giáo án PPT, chuẩn bị sẵn các bảng theo mẫu như bảng 1 trang 9 SGK và bảng các số La Mã, hình ảnh đồng hồ với mặt số viết bằng số La Mã, TV, máy tính.

**2. Đối với học sinh:** SGK, vở ghi chép, bảng nhóm, bút lông, đồ dùng học tập, ôn lại kiến thức đã học ở Tiểu học về cấu tạo thập phân của một số tự nhiên, sưu tầm các đồ dùng, tranh ảnh có số La Mã.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

 **a) Mục tiêu:** Hiểu về lịch sử của số tự nhiên.

 **b) Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu hoặc tranh ảnh và chú ý lắng nghe.

 **c) Sản phẩm:** HS nắm được các cách viết số tự nhiên khác nhau qua giai đoạn, năm tháng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

****GV giới thiệu và chiếu một số hình ảnh liên quan đến cách viết số tự nhiên từ thời nguyên thủy “Trong lịch sử loài người, số tự nhiên bắt nguồn từ nhu cầu đếm và từ rất sớm. Các em quan sát hình chiếu và nhận xét về cách viết số tự nhiên đó”.

**-** Hình ảnh các con số trong lịch sử :

****

**Chữ số Ấn Độ cuối thế kỉ 1 Bảng chữ số Ả Rập**

****

 **Chữ số Babylon Chữ số Maya**

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Cách ghi số tự nhiên đó như thế nào, có dễ đọc và sử dụng thuận tiện hơn không?” => Bài mới.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1. Hệ thập phân**

**a) Mục tiêu:**

+ HS nhận biết được cách viết số tự nhiên trong hệ thập phân và mối quan hệ giữa các hàng.

+ HS hiểu giá trị mỗi chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân.

+ HS nhận thấy kết luận thu được rất gần gũi với thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu và chỉ dẫn của GV: **?.** SGK trang 9; **HĐ1, HĐ2, Vận dụng** SGK trang 10.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **-Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**\* GV cho HS quan sát và đọc trong SGK -> đọc hiểu cặp đôi để hiểu và ghi nhớ.\* GV lưu ý về chữ số đầu và về cách viết:**1.** Với các số tự nhiên khác 0, chữ số đầu tiên ( từ trái sang phải) khác 0.**2.** Đối với số có 4 chữ số trở lên, ta viết tách riêng từng lớp. Mỗi lớp là một nhóm ba chữ số kể từ trái sang phải.\* GV phân tích kĩ ví dụ: số **221 707 263 598** đọc là “ ***Hai mươi mốt tỉ, bảy trăm linh bảy triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm chín mươi tám***) có các lớp, hàng như trong **Bảng 1** SGK trang 9.\* GV yêu cầu HS lấy ví dụ về 1 số bất kì -> nói cho nhau nghe cách đọc và phân tích các lớp, hàng của số đó.+ GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân hoàn thành **?.** SGK trang 9.( GV lưu ý HS không viết 012; 021)**+** GV cho HS nghiên cứu **HĐ1** và thực hiện **HĐ2** SGK trang 10theo *kĩ thuật khăn trải bàn*.\* GV phân tích ví dụ trong SGK -> Tổng quát lại cho HS ghi.GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi hoàn thành phần **Vận dụng** SGK trang 10.**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** + HS quan sát, thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.+ **Dự kiến khó khăn**: Ở bài **Luyện tập** HS chưa xác định được hàng GV HD HS dựa vào SGK xác định hàng.**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS đại diện trình bày, các HS khác quan sát theo dõi, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại. | **1. Hệ thập phân:****a. Cách ghi số tự nhiên trong hệ thập phân**+ Trong hệ thập phân, mỗi số tự nhiên được viết dưới dạng một dãy những chữ số lấy trong 10 chữ số: 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8 và 9. Vị trí của các chữ số trong dãy gọi là hàng.+ Cứ 10 đơn vị ở một hàng thì bằng 1 đơn vị ở hàng liền trước nó. Chẳng hạn : 10 chục = 1 trăm; 10 trăm = 1 nghìn.**-** Trong cách ghi hệ thập phân, mỗi chữ số trong một số ở những vị trí khác nhau có giá trị khác nhau.**?.** SGK trang 9.Các số đó là:120; 210; 102; 201**b. Giá trị các chữ số của một số tự nhiên**- Mỗi chữ số tự nhiên viết trong hệ thập phân đều biểu diễn được thành ***tổng giá trị các chữ số của nó.*****Ví dụ:** **236** = (**2** × 100) + (**3** × 10) + **6**\*TQ:$\overline{ab}$ = ( **a** × 10) + **b**, với a ≠ 0$\overline{abc}$= (**a** × 100) + ( **b** × 10) + **c****Luyện tập** SGK trang 10**34 604** = ( **3** × 10 000) + ( **4** × 1000) + (**6** × 100) + **4.****Vận dụng** SGK trang 10**492** = (**4** × 100) + ( **9** × 10) + **2**=> 4 tờ 100 nghìn, 9 tờ 10 nghìn và 2 tờ 1 nghìn đồng. |

**2.2 : Số La Mã**

**a) Mục tiêu:** HS viết được số La Mã từ 1 đến 30.

**b) Nội dung: :** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu và chỉ dẫn của GV hoàn thành **?.** và **thử thách nhỏ** SGKtrang 11.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **-Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**+ GV chiếu bảng số La Mã kí hiệu và giá trị 5 thành phần để ghi số La Mã.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thành phần | I | V | X | IV | IX |
| Giá trị | 1 | 5 | 10 | 4 | 9 |

+ GV giới thiệu và cho HS đọc và ghi nhớ các thành phần chính trong bảng trên.+ GV chiếu các số La Mã biểu diễn các số từ 1 đến 10.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |

+ GV giới thiệu rồi cho HS đọc đồng thanh, đọc thầm cá nhân rồi ghi nhớ cách viết.+ GV chiếu các số La Mã biểu diễn số từ 11 đến 20:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| XI | XII | XIII | XIV | XV | XVI | XVII | XVIII | XIX | XX |
| 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |

+ GV giới thiệu rồi cho HS đọc đồng thanh, đọc thầm cá nhân rồi ghi nhớ cách viết.+ GV chiếu các số La Mã biểu diễn các số từ 21 đến 30.+ GV giới thiệu cách viết rồi cho HS đọc đồng thanh, đọc thầm cá nhân rồi ghi nhớ cách viết.+ GV kết hợp xóa đi 1 số ô trống ở trong từng loại bảng để kiểm tra ghi nhớ của HS.+ GVcho HS đọc nhận xét trong SGK trang 11 và lưu ý lại cho HS.**Nhận xét****1.** Mỗi số La Mã biểu diễn một số tự nhiên bằng tổng giá trị các thành phần viết trên số đó. Chẳng hạn, số XXIV có ba thành phần là X, X và IV tương ứng với các giá trị 10, 10 và 4. Do đó XXIV biểu diễn số 24.**2.** Không có số La Mã nào biểu diễn số 0.\* GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi hoàn thành phần **?.** SGK trang 11.GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi thực hiện **thử thách nhỏ** *bằng kỹ thuật dạy học động não*Sử dụng đúng 7 que tính, xếp được những số La Mã nào?Nhóm nào tìm đúng và nhiều phương án nhanh nhất thì sẽ được thưởng.**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát, thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm khác theo dõi, bổ sung.**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại cách viết số La Mã và gọi 1 học sinh nhắc lại. | **2. Số La Mã:**Để viết các số La Mã không quá 30, ta dùng ba kí tự I, V, X ( gọi là những chữ số La Mã). *Ba chữ số ấy cùng với hai cụm chữ số là IV và IX là năm* thành phần để ghi số La Mã.Giá trị của *mỗi thành phần* không thay đổi dù nó đứng ở bất kì vị trí nào.**?.** SGK trang 11a) Viết các số 14 và 27 bằng số La Mã:14 là XIV27 là XXVII.b) Đọc các số La Mã XVI, XXII:+ XVI: Mười sáu+ XXII: Hai mươi hai.**Thử thách nhỏ**: SGK trang 11XVIII (18); XXIII (23); XXIV (24); XXVI (26); XXIX (29). |

**3. Hoạt động 3 : Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học làm bài tập **1.6, 1.7, 1.8, 1.9** SGK trang 12.

**c) Sản phẩm:** Hoàn thành được các bài tập **1.6, 1.7, 1.8, 1.9** SGK trang 12.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS | SẢN PHẨM DỰ KIẾN |
| **-Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV yêu cầu 5 nhóm hoàn thành các bài tập bài **1.6 ; 1.7 ; 1.8** ; **1.9** SGK trang 12 - **GV phát phiếu thang đánh giá mức độ tham gia hoạt động nhóm cho các nhóm trưởng để các nhóm trưởng đánh giá các thành viên trong nhóm.****- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** + HS Các nhóm thảo luận ghi vào bảng nhóm.+ **Dự kiến khó khăn:** HS dễ nhầm lẫn khi đọc các số ở bài 1.6 GV HD HS xác định hàng và cách đọc mẫu số đầu tiên.**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**Các nhóm đem bảng phụ treo lên tường, GV mời đại diện các nhóm nhận xét.**- Bước 4: Kiểm tra, đánh giá, kết luận và nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS, ghi điểm cho một số em theo thang đánh giá mức độ hoạt động nhóm mà các nhóm tự đánh trong rubric ở phụ lục.  | **1.6**SGK trang 12**+ 27 501:** *Hai mươi bảy nghìn năm trăm linh một*.**+ 106 712:** *Một trăm linh sáu nghìn bảy trăm mười hai.***+ 7 110 385:** *Bảy triệu một trăm mười nghìn ba trăm tám mươi năm.***+ 2 915 404 267:** *Hai tỉ chín trăm mười lăm triệu bốn trăm linh bốn nghìn hai trăm sáu mươi bảy.***1.7** SGK trang 12a) 400 thì chữ số 4 đứng ở hàng trăm ;b) 40 thì chữ số 4 đứng ở hàng chục ;c) 4 thì chữ số 4 đứng ở hàng đơn vị .**1.8** SGK trang 12+ **XIV** : Mười bốn+ **XVI** : Mười sáu+ **XXIII** : Hai mươi ba.**1.9** SGK trang 12**+ 18 :** XVIII**+ 25 :** XXV |

 **4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Học sinh biết vận dụng kiến thức đã học vào bài tập thực tế.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời bài **1.12** SGK trang 12.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu làm bài tập vận dụng **1.12** SGK trang 12.**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ GV giao theo *kỹ thuật dạy học khăn trải bàn*.**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV gọi HS lên trả lời, HS khác nhận xét.**- Bước 4: Kết luận, nhận định** GV đánh giá kết quả của HS, củng cố. | **1.12** SGK trang 12Số cái kẹo trong 1 gói là: 10 (cái kẹo)Số cái kẹo có trong 1 hộp là: 10 x 10 = 100 (cái kẹo)Số cái kẹo có trong 1 thùng là: 100 x 10 = 1 000 (cái kẹo)Vậy một người mua 9 thùng, 9 hộp và 9 gói kẹo thì số kẹo người đó đã mua tất cả là:9 x 1000 + 9 x 100 + 9 x 10 = 9990 (cái kẹo).Đáp số: 9990 cái kẹo. |

**\*HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ :**

- Học kĩ bài cũ và làm bài tập **1.10, 1.11** SGK trang 12.

- Chuẩn bị bài 3. **Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên .**

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

Rubric đánh giá

**PHỤ LỤC**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHÓM**

Nhóm ……………

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| T T | Tiêu chí đánh giá | Mô tả mức chất lượng | Điểm chấm theo nhóm |
| Xuất sắc | Tốt | Đạt yêu cầu | Chưa đạt | 1 | 2 |  3 | 4 |
| 10-9 | 8-7 | 6-5 | 4-0 |
| 1 | Hình thức báo cáo | Đẹp, rõ, không lỗi chính tả | Đẹp, rõ nhưng còn lỗi chính tả | Rõ ràng, còn lỗi chính tả | Đơn điệu, chữ nhỏ, còn lỗi chính tả |  |  |  |  |
| 2 | Nội dung | Đảm bảo đúng và đủ các nội dung báo cáo. | Đảm bảo đúng các nội dung nhưng thiếu không quá 02 nội dung . | Đảm bảo đúng các nội dung nhưng thiếu không quá 05 nội dung. |  Thiếu ít nhất từ 06 nội dung. |  |  |  |  |
| 3 | Kỹ năng trình bày | Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, có giao lưu người nghe | Nói to rõ, tự tin, có giao lưu người nghe | Nói không rõ, thiếu tự tin, ít giao lưu người nghe | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe |  |  |  |  |
| **Điểm tổng** |  |  |  |  |
| **Xếp loại** |  |  |  |  |

Xếp loại: Xuất sắc: 27-30 điểm; Tốt: từ 21-26 điểm; Đạt: từ 15-20 điểm; Chưa đạt: 0 đến 14 điểm

**RÚT KINH NGHIỆM**

......................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................................

3

4

2

1

Trong một cửa hàng bán kẹo, người ta đóng gói kẹo thành các loại: mỗi gói có 10 cái kẹo; mỗi hộp có 10 gói; mỗi thùng có 10 hộp. Một người mua 9 thùng, 9 hộp và 9 gói kẹo. Hỏi người đó đã mua tất cả bao nhiêu cái kẹo?

CHƯƠNG I. TẬP HỢP CÁC SỐ TỰ NHIÊN

 **BÀI 3. THỨ TỰ TRONG TẬP HỢP SỐ TỰ NHIÊN**

Môn Toán (Đại số). Lớp 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết. Tiết PPCT: 03

**I. MỤCTIÊU**

**1. Kiến thức:**

-Nhận biết được tia số.

- Nhận biết được thứ tự các số tự nhiên và mối liên hệ với các điểm biểu diễn chúng trên tia số.

**2. Nănglực**

***\*Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

***\*Năng lực đặc thù:***

 Biểu diễn được số tự nhiên trên tia số. So sánh được hai số tự nhiên nếu cho hai số viết trong hệ thập phân, hoặc cho điểm biểu diễn của hai số trên cùng một tia số.

**3. Phẩm chất:**

Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS  độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** KHBD, giáo án PPT, thước thẳng, bảng phụ, chuẩn bị sẵn một số đồ dùng hay hình vẽ có hình ảnh của tia số (nhiệt kế thủy ngân, cái cân đòn, thước có vạch chia…)

**2. Đối với học sinh**: Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập, SGK, vở ghi chép, bảng nhóm, bút lông.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**



**a) Mục đích:** Nhận biết và hiểu ý nghĩa về thứ tự trong đời sống thực tế đời sống và liên hệ được với dãy số tự nhiên.

**b) Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu và thực hiện theo yêu cầu

**Hình 1.** Mọi người xếp thành 1 hàng mua vé

**Hình 2.** Nhiệt kế thủy ngân

**Hình 3.** Thước kẻ

**c) Sản phẩm:** HS liên hệ so sánh với dãy số tự nhiên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chiếu một số hình ảnh liên quan đến tia số và đưa ra yêu cầu:“ Quan sát các hình ảnh trên màn chiếu, các em hãy suy nghĩ xem dòng người xếp hàng, vạch chia nhiệt kế và thước kẻ với dãy số tự nhiên đang học có gì giống nhau? ”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ GV giao theo *kĩ thuật “chia sẻ nhóm đôi”*.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên như thế nào? ”  Bài mới.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a) Mục tiêu:**

**+** Nhận biết được tia số.

+ Nhận biết được thứ tự các số tự nhiên và mối liên hệ với các điểm biểu diễn chúng trên tia số.

+ Minh họa khái niệm số liền trước, liền sau của một số tự nhiên.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững khái niệm tia số và thứ tự các số tự nhiên và mối liên hệ với các điểm biểu diễn chúng trên tia số.

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HỌC SINH** |  **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**+ GV nhắc lại về tập hợp và tia số:Tập hợp các số tự nhiên được kí hiệu là N. N = { 0; 1; 2; 3; ...}.Mỗi phần tử 0; 1; 2; 3;... của được biểu diễn bởi một điểm trên tia số gốc O như Hình 1.5 – SGK - tr13. + GV phân tích tia số: Trên tia số, điểm biểu diễn số tự nhiên a gọi là điểm a. VD: điểm 2, điểm 6, điểm 9...+ GV yêu cầu HS hoạt động nhóm và trả lời các câu hỏi sau theo *kỹ thuật “động não”***1.** Trong hai điểm 5 và 8 trên tia số, điểm nào nằm bên trái, điểm nào nằm bên phải điểm kia?**2.** Điểm biểu diễn số tự nhiên nào nằm ngay bên trái điểm 8? Điểm biểu diễn số tự nhiên nào nằm ngay bên phải điểm 8?**3.** Cho n là một số tự nhiên nhỏ hơn 7. Theo em, điểm n nằm bên trái hay bên phải điểm 7?+ GV cho HS đọc phần chú ý và gọi 1HS giải thích.+ GV giới thiệu kí hiệu **“”** hoặc **“”.****- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu hoàn thành các yêu cầu.**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**+HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, hoàn thành vở.+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.**- Bước 4: Kết luận, nhận định**GVnhận xét, đánh giá, chốt lại kết luận sau mỗi hoạtđộng. | **1. Thứ tự các số tự nhiên**- Tia số là hình ảnh trực quan giúp chúng ta tìm hiểu về thứ tự của các số tự nhiên.+ *Trong hai số tự nhiên khác nhau, luôn có một số nhỏ hơn số kia*. Nếu số a nhỏ hơn số b thì trên tia số nằm ngang điểm a nằm bên trái điểm b. Khi đó, ta viết a<b hoặc b > a. Ta còn nói: điểm a nằm trước điểm b, hoặc điểm b nằm sau điểm a.+ *Mỗi số tự nhiên có đúng một số liền sau*. VD: 9 là số liền sau của 8 (còn 8 là số liền trước của 9). Hai số 8 và 9 là hai số tự nhiên liên tiếp.*Gợi ý câu trả lời***1.** Điểm 5 nằm bên trái điểm 8, điểm 8 nằm bên phải điểm 5.**2.** Điểm 7 biểu diễn số tự nhiên nào nằm ngay bên trái điểm 8. Điểm 9 biểu diễn số tự nhiên nào nằm ngay bên phải điểm 8.**3.** n là một số tự nhiên nhỏ hơn 7 thì điểm n nằm bên trái điểm 7.**Chú ý**: *Số 0 không có số tự nhiên liền trước và là số tự nhiên nhỏ nhất.***2. Các kí hiệu “” hoặc “”**- Ta còn dùng kí hiệu a b (đọc là “a nhỏ hơn hoặc bằng b” ) để nói “a < b hoặc a = b”.**VD:**{ x N | x < 4} ={ 0; 1; 2; 3}{ x N | x 4} ={ 0; 1; 2; 3; 4}* Tương tự, kí hiệu a b ( đọc là “a lớn hơn hoặc bằng b”) có nghĩa là a > b hoặc a =b.

- Tính chất bắc cầu còn có thể viết: + Nếu a < b và b < c thì a < c (tính chất bắc cầu). |

**3. Hoạt động 3. Luyện Tập**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng được kiến thức về thứ tự của các số tự nhiên để làm các bài tập.

**b) Nội dung:** Làm các bài tập từ **1.13** đến **1.15** SGK trang 14.

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập từ **1.13** đến **1.15** SGK trang 14.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** |  **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu 5 nhóm thảo luận làm các bài tập: **1.13, 1.14** và **1.15** SGK trang 14.- **GV phát phiếu đánh giá tham gia hoạt động nhóm cho các nhóm trưởng để các nhóm trưởng đánh giá các thành viên trong nhóm.****-Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS Các nhóm thảo luận ghi vào bảng nhóm.**- Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận** Các nhóm đem bảng phụ treo lên tường, GV mời đại diện các nhóm nhận xét.**- Bước 4: Kiểm tra, đánh giá, kết luận và nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, ghi điểm cho một số em theo thang đánh giá mức độ hoạt động nhóm mà các nhóm tự đánh  | **3. Luyện tập****1.13** SGK trang 14 **1.14** SGK trang 14 **1.15** SGK trang 14a) b) c)  |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục đích:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng và khắc sâu kiến thức.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập **1.16** SGK trang 14.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi hoàn thành bài tập vận dụng **1.16** SGK trang 14.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện các yêu cầu trên theo cặp đôi.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Đại điện HS trả lời, các HS còn lại theo dõi bổ sung.

* **Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Kết quả**

**1.16** SGK trang 14

Có: 148 < 150 < 153  thứ tự theo chiều cao (từ thấp đến cao ) của ba bạn là Cường, An, Bắc. Vậy thứ tự các điểm từ dưới lên là C, A, B.

**\* Hướng dẫn về ở nhà**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học, hoàn thành các bài tập.

- Chuẩn bị bài 4. **Phép cộng và phép trừ số tự nhiên**.

**\* Câu hỏi, bài tập đánh giá**

**Câu 1**: Trong hai số tự nhiên a và b, nếu a nhỏ hơn b thì trên tia số nằm ngang điểm a nằm ở đâu? HD: Điểm a nằm bên trái điểm B.

**Câu 2**: Sắp xếp các số sau theo thứ tự giảm dần: 1294; 1292; 1035; 3427; 853.

HD: 3427; 1294; 1292; 1035; 853.

**Câu 3**: Cho 3 điểm m, n, p, trong đó p là số lớn nhất. Biết rằng trên tia số điểm n nằm giữa hai điểm m và p. Khi đó kahwrng định nào dưới đây là đúng?

A. m<n<p. B. n<m<p. C. n<p<m. D. p<m<n.

HD: Chọn A

 Vì theo đề điểm n nằm giữa hai điểm m và p nên n sẽ ở vị trí thứ hai sắp xếp theo thứ tự giảm dần (1).

 Mặt khác p là số lớn nhất (2).

 Từ (1) và (2) suy ra m<n<p.

**Câu 4:** Ba số tự nhiên a, b, c đồng thời thỏa mãn điều kiện a < b < c, 11 < a < 15 và 12 < c < 15. Tính a+b-c?

HD: Ta có 11 < a <15 a (1)

 12 < a <15 a (2)

 Mặt khác a < b < c, kết hợp (1) và (2) suy ra: a=12; b=13; c=14.

 Khi đó a+b-c=12+13-14=11.

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Thang đánh giá mức chất lượng hoạt động nhóm của các thành viên trong nhóm.**

**(Thang điểm 10)**

**Nhóm…. Tên nhóm trưởng……………………………………………**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí****Tên thành viên** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Mức độ tích cực trong học tập |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Mức độ hợp tác trong hoạt động nhóm |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Mức độ vận dụng kiến thức vào bài tập |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng**  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**RÚT KINH NGHIỆM**

………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………….

CHƯƠNG I. TẬP HỢP CÁC SỐ TỰ NHIÊN

**BÀI 4: PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ SỐ TỰ NHIÊN**

Môn Toán (Đại số). Lớp 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết. Tiết PPCT: 04

**I.** **MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS

**-**Nhận biết được số hạng, tổng; số bị trừ, số trừ, hiệu.

- Nhận biết được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

+ Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

***- Năng lực đặc thù:***

+ Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**+** Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí.

+ Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra. Có ý thức tìm tòi, khám phá và vận dụng sáng tạo kiến thức để giải quyết vấn đề thực tiễn.

- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của nhóm.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** KHBD, SGK, thước kẻ,Tivi, giáo án PPT.

 **2. Đối với học sinh:** Chuẩn bị SGK, vở ghi chép, đầy đủ đồ dùng học tập, bảng nhóm, bút lông.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

 **1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS nhận thức nhu cầu sử dụng các phép tính cộng, trừ.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời.

**c) Sản phẩm:** HS hình thành nhu cầu sử dụng phép tính cộng, trừ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

 **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV chiếu đề bài “ Mai đi chợ mua cà tím hết 18 nghìn đồng, cà chua hết 21 nghìn đồng và rau cải hết 30 nghìn đồng. Mai đưa cho cô bán hàng tờ 100 nghìn đồng thì được trả lại bao nhiêu tiền?”

+ Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:

**Câu hỏi 1:** Nêu cách tính số tiền Mai phải trả cho cô bán hàng?

**Câu hỏi 2:** Nêu cách tính số tiền Mai được trả lại?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS sử dũng *kĩ thuật hỏi và trả lời* hoàn thành yêu cầu của GV.

 **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm:

**Câu hỏi 1:** Để tính số tiền Mai phải trả cho cô bán hàng, ta phải cộng số tiền mua cà tím, số tiền mua cà chua và số tiền mua rau cải.

Để số tiền Mai được trả lại, ta lấy 100 000 đồng trừ đi số tiền Mai phải trả.

**Câu hỏi 2:** Để số tiền Mai được trả lại, ta lấy 100 000 đồng trừ đi số tiền Mai phải trả.

 **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Để giải được bài toán trên, cũng như hiểu rõ hơn về các tính chất của phép cộng, phép trừ, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay?” => Bài mới.

 **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1.Phép cộng hai số tự nhiên**

**a) Mục tiêu:** Giúp học sinh nhớ lại khái niệm số hạng và tổng.

**b) Nội dung:** Học sinh thực hiện theo các chỉ dẫn của GV: Đọc hiểu và **Vận dụng 1** SGK trang 15.

**c) Sản phẩm:** Phép cộng hai số tự nhiên; **Vận dụng 1** SGK trang 15.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
|  **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** |  **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**+ Học sinh nghe GV nhắc lại về phép cộng hai số tự nhiên: số hạng, tổng và minh họa phép cộng nhờ tia số.+ GV yêu cầu 5 nhóm thảo luận làm **Vận dụng 1**. Diện tích gieo trồng lúa vụ Thu Đông năm 2019 vùng Đồng bằng sông Cửu Long ước tính đạt 713 000 ha, giảm 14 500 ha so với vụ Thu Đông năm 2018. Hãy tính diện tích gieo trồng lúa mùa vụ Thu Đông năm 2018 của Đồng bằng sông Cửu Long.**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**+ HS sử dụng *kỹ thuật “động não”* thực hiện nhiệm vụ.+ Các nhóm thảo luận ghi vào bảng nhóm.**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**Các nhóm đem bảng phụ treo lên tường, GV mời đại diện các nhóm nhận xét.**- Bước 4: Kết luận, nhận định**GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS hình thành kiến thức mới. | **1. Phép cộng số tự nhiên****a. Cộng hai số tự nhiên.** Số hạng Số hạng Tổng**Ví dụ:** .**Vận dụng 1** SGK trang 15: Diện tích gieo trồng lúa vụ Thu Đông năm 2018 của Đồng bằng sông Cửu Long là:713 200 + 14 500 = 727 700 (ha)  |

**2.2.Tính chất của phép cộng**

**a) Mục tiêu:** HS nhớ lại tính chất của phép cộng. Hình thành thói quen quan sát, lập kế hoạch tính toán hợp lí.

**b) Nội dung hoạt động:** GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện để khái quát tới hai tính chất cơ bản của phép cộng.

**c) Sản phẩm:** Hai tính chất của phép cộng, Luyện tập 1 SGK trang 16.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
|  **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** |  **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**+ GV cho HS hoạt động 5 nhóm thực hiện **HĐ1; HĐ2** trong SGK trang 15.+ **HĐ1:** Cho a = 28 và b = 34a) Tính a + b và b + ab) So sánh kết quả nhận được ở câu a)**HĐ2**: Cho a = 17, b =21, c =35a) Tính (a + b) + c và a + (b + c)b) So sánh kết quả nhận được ở câu a).+ GV khái quát hai tới hai tính chất của phép cộng.+ GV giới thiệu nội dung **Chú ý.****+** GV trình bài Ví dụ 1, hướng dẫn cho học sinh cách ghép cặp phù hợp.+ Học sinh thực hiện **Luyện tập 1** SGK trang 16theo nhóm đôi.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu. **Phiếu học tập số 1** các nhóm hoàn thành vào bảng nhóm.**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**Phiếu học tập số 1 các nhóm đem bảng phụ treo lên bảng, **Luyện tập 1** mời đại diện một số nhóm đứng tại chỗ trả lời. GV mời đại diện các nhóm nhận xét.**- Bước 4: Kết luận, nhận định**GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS hình thành kiến thức mới.GV: Yêu cầu HS đọc phần đóng khung và đánh dấu học. | **b. Tính chất của phép cộng****- Phiếu học tập số 1****HĐ1** trang 15 SGK:a) a + b = 62, b + a = 62.b) a + b = b + a.**HĐ 2** trang 15 SGK:a) (a + b) + c = 73, a + (b + c) = 73.b) (a + b) + c = a + (b + c).- Phép cộng số tự nhiên có các tính chất: + Giao hoán: a + b = b + a. + Kết hợp: (a + b) + c = a + (b + c).- **Luyện tập 1** SGK trang 16**:** 117 + 68 + 23= (117 + 23) + 68= 140 + 68= 208. |

**2.3. Phép trừ số tự nhiên**

**a) Mục tiêu:** Giúp học sinh nhớ lại khái niệm số bị trừ, số trừ và hiệu.

**b) Nội dung hoạt động:** GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện để hình thành kiến thức về cách viết tập hợp.

**c) Sản phẩm:** Phép trừ số tự nhiên; **Luyện tập 2; Vận dụng 2** SGK trang 16.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
|  **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** |  **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**+ Học sinh trả lời nhanh:Câu 1: Tính: a) 3 + 4; b) 7 – 4;Câu 2: Biết 57 + 38 = 95. Tính 95 – 57 và 95 – 38.+ Học sinh nghe GV nhắc lại về phép trừ hai số tự nhiên: số bị trừ, số trừ, hiệu, minh họa phép trừ nhờ tia số và điều kiện để thực hiện được phép trừ trong tập hợp các số tự nhiên.+ Học sinh thực hiện **Luyện tập 2** SGK trang 16.+ Học sinh thực hiện **Vận dụng 2** SGK trang 16.**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung,ghi vở.**- Bước 4: Kết luận, nhận định**GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS hình thành kiến thức mới.GV: Yêu cầu HS đọc phần đóng khung và đánh dấu học. | **2. Phép trừ số tự nhiên**- Câu 1: a) 3 + 4 = 7; b) 7 – 4 = 3; Câu 2: 95 – 57 = 38; 95 – 38 = 57.- Với hai số tự nhiên a, b đã cho, nếu có số tự nhiên c sao cho a = b + c thì ta có phép trừ a – b = c. Trong tập hợp số tự nhiên, phép trừ a – b chỉ thực hiện được nếu **- Luyện tập 2** SGK trang 16 865 279 – 45 027 = 820 252- **Vận dụng 2** SGK trang 16 Số tiền Mai phải trả: 18 000 + 21 000 + 30 000 = 69 000 (đồng) Số tiền Mai được trả lại: 100 000 – 69 000 = 31 000 (đồng) |

 **3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Củng cố về các phép tính cộng và trừ số tự nhiên.

**b) Nội dung:** HS thực hiện: Bài **1.17, 1.18, 1.19** SGK trang 16.

**c) Sản phẩm:** Bài **1.17, 1.18, 1.19** SGK trang 16

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
|  **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** |  **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**GV yêu cầu HS 5 nhóm thảo luận hoàn thành các bài tập sau**Bài 1.17**: Tính tổng, hiệu bằng cách đặt tính:a) 63 548 + 19 256; b) 129 107 – 34 693.**Bài 1.18:** Thay “?” bằng số thích hợp:? + 2 895 = 2 895 + 6 789**Bài 1.19:** Tìm x thỏa mãn:a) 7 + x = 362;b) 25 – x =15;c) x – 56 = 4.- **GV phát phiếu thang đánh giá mức độ tham gia hoạt động nhóm cho các nhóm trưởng để các nhóm trưởng đánh giá các thành viên trong nhóm.****Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**+ HS Các nhóm thảo luận ghi vào bảng nhóm.+ **Dự kiến khó khăn:** Ở bài 1.19 khi chuyển vế các em quên đổi dấu. GV HD nhắc nhỡ HS.**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**Các nhóm đem bảng phụ treo lên bảng, GV mời đại diện các nhóm nhận xét.**- Bước 4: Kiểm tra, đánh giá, kết luận và nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, ghi điểm cho một số em theo thang đánh giá mức độ hoạt động nhóm mà các nhóm tự đánh trong rubric ở phụ lục. | **Bài 1.17** SGK trang 16: a) 63 548 b) 129 107 + 19 256 – 34 693 82 804 94 414**Bài 1.18** SGK trang 16**:** 6 789 + 2 895 = 2 895 + 6 789**Bài 1.19** SGK trang 16**:** a) 7 + x = 362 x = 362 – 7 x = 355b) 25 – x =15 x = 25 – 15  x = 10c) x – 56 = 4 x = 4 + 56 x = 60 |

 **Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Giải quyết bài toán thực tiễn

**b) Nội dung:** Học sinh làm bài 1.20 SGK trang 16.

**c) Sản phẩm:** Bài tập 1.20 SGK trang 16.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
|  **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** |  **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**Học sinh làm bài tập 1.20 SGK trang 16: Năm 2020 dân số Việt Nam ước tính khoảng 97 triệu người và dự kiến tới đầu năm ... sẽ tăng thêm khoảng 830 nghìn người. Ước tính dân số Việt Nam đầu năm ....**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.**- Bước 4: Kết luận, nhận định**GV đánh giá kết quả của HS, HDVN | **Bài 1.20** SGK trang 16 Ước tính dân số Việt Nam đầu năm ...:97 000 000 + 830 000 = 97 830 000 (người) |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- Ôn tập lại kiến thức về phép tính cộng và trừ số tự nhiên.

- Làm các bài tập **1.21, 1.22** SGK trang 16.

***-*** Tìm hiểu trước bài 5. **Phép nhân và phép chia số tự nhiên.**

**\* Câu hỏi, bài tập đánh giá**

**Câu 1:** Cho hai số tự nhiên a và b. Điều kiên để a – b thực hiện được là gì? HD: ab.

**Câu 2:** Tổng số tự nhiên nhỏ nhất có 5 chữ số và số tự nhiên lớn nhất có 5 chữ số mà các chữ số của mỗi số trong hai số này đều khác nhau là?

HD: Số tự nhiên nhỏ nhất có 5 chữ số khác nhau là 10234

 Số tự nhiên lớn nhất có 5 chữ số khác nhau là 98765

 Tổng của hai số là 10234+98765=108999.

**Câu 3:** Mai và Nam đi từ Quảng Ngãi đến Phú Yên. Mai khởi hành trước Nam 1 giờ, đến nơi trước Nam 2 giờ. Hỏi ai thực hiện cuộc hành trình lâu hơn và lâu hơn mấy giờ?

HD: Vì Mai khởi hành trước Nam 1 giờ và đến nơi trước Nam 2 giờ nên

 Mai thực hiện cuộc hành trình nhanh hơn Nam và nhanh hơn 2 – 1=1 (giờ)

 Vậy Nam thực hiện cuộc hành trình lâu hơn và lâu hơn 1 giờ.

**Câu 4:** Một phép trừ có tổng của số bị trừ, số trư và hiệu bằng 1006. Số trừ lớn hơn hiệu 19. Tìm số bị trừ và số trừ?

HD: Theo đề số bị trừ + số trừ + hiệu=1006

 Mà số trừ + hiệu = số bị trừ

 Suy ra 2 lần số bị trừ =1006

 Do đó số bị trừ =1006:2=503

 Ta lại có: Số trừ +hiệu=503 và số trừ - hiệu=19

 Nên 2 lần số trừ = 503+19=522

 Do đó số trừ =522:2=261

 Vậy số bị trừ là 503, số trừ là 261

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

Rubric đánh giá

**PHỤ LỤC**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHÓM**

Nhóm ……………

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| T T | Tiêu chí đánh giá | Mô tả mức chất lượng | Điểm chấm theo nhóm |
| Xuất sắc | Tốt | Đạt yêu cầu | Chưa đạt | 1 | 2 |  3 | 4 |
| 10-9 | 8-7 | 6-5 | 4-0 |
| 1 | Hình thức báo cáo | Đẹp, rõ, không lỗi chính tả | Đẹp, rõ nhưng còn lỗi chính tả | Rõ ràng, còn lỗi chính tả | Đơn điệu, chữ nhỏ, còn lỗi chính tả |  |  |  |  |
| 2 | Nội dung | Đảm bảo đúng và đủ các nội dung báo cáo. | Đảm bảo đúng các nội dung nhưng thiếu không quá 02 nội dung . | Đảm bảo đúng các nội dung nhưng thiếu không quá 05 nội dung. |  Thiếu ít nhất từ 06 nội dung. |  |  |  |  |
| 3 | Kỹ năng trình bày | Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, có giao lưu người nghe | Nói to rõ, tự tin, có giao lưu người nghe | Nói không rõ, thiếu tự tin, ít giao lưu người nghe | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe |  |  |  |  |
| **Điểm tổng** |  |  |  |  |
| **Xếp loại** |  |  |  |  |

Xếp loại: Xuất sắc: 27-30 điểm; Tốt: từ 21-26 điểm; Đạt: từ 15-20 điểm; Chưa đạt: 0 đến 14 điểm

**RÚT KINH NGHIỆM**

………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………….